

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/DS-ST
Ngày: 12-02-2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trường Tam
2. Bà Phan Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 12 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thu T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 12, ấp P, xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Anh Đặng Tấn L, sinh năm 1975. (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/8/2017).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà Đặng Kim C, sinh năm: 1963.

Ông Lê Văn H, sinh năm: 1966.

Cùng địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Anh L, bà C có mặt; ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đặng Tấn L trình bày: Anh yêu cầu bà C và ông H trả lại cho bà T số tiền vay 100.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 22-6-2016 âm lịch, ngày dương lịch là ngày 25-7-2016, bà T cho bà C mượn 100.000.000 đồng, không lấy lãi, bà C nói mượn đỡ vài ngày trả lại, bà C có làm giấy nợ cho bà T do bà C viết và ký tên, mục đích mượn tiền là để dùng mua bán heo, vài ngày sau không thấy bà C trả lại tiền, bà T đến nhà đòi nhiều lần nhưng bà C không trả sau đó bà T có gửi đơn đến Ban quản lý ấp 5, xã Bàu Đồn để giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 17-8-2017 bà C có thừa nhận mượn của bà T 100.000.000 đồng và đồng ý trả nợ nhưng do làm ăn khó khăn và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý.

Bị đơn bà Đặng Kim C trình bày: Bà T yêu cầu bà và chồng là ông H trả lại số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi bà không đồng ý, bà đã trả cho bà T được 90.000.000 đồng, chỉ còn nợ bà T 10.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà T 10.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Vào ngày 22-6-2016 âm lịch, bà có mượn của bà T 100.000.000 đồng, có làm giấy nợ do bà tự viết và ký tên, lãi suất 2%/tháng, trả lãi cho bà T được 07 tháng với số tiền 14.000.000 đồng, trả lãi cho bà T không có giấy tờ gì, số tiền mượn này bà dùng vào việc mua heo và trang trải C sống gia đình.

Tháng 11-2016 âm lịch, bà có trả cho bà T được 90.000.000 đồng, trả không có làm giấy tờ gì, có bà Đặng Thị Khuân biết việc bà trả nợ cho bà T.

Tại biên bản hòa giải vào ngày 17-8-2017 bà thừa nhận còn nợ bà T số tiền 100.000.000 đồng là bà tương hòa giải số tiền bà còn nợ lại 10.000.000 đồng bà, khi hòa giải xong tổ hòa giải có thông qua biên bản nhưng bà không nghe rõ, gì vào thời điểm thông qua biên bản bà và bà T đang cãi vã nhau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H trình bày: Ông là chồng của bà Đặng Kim C, ông và bà C hiện tại sống ly thân khoảng 04 năm, chưa ly hôn, đối với số nợ của bà T ông không biết, ông xác định đây là nợ riêng của bà C không liên quan đến ông cho nên ông không đồng ý cùng bà C trả số nợ trên cho bà T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà C và ông H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 22-6-2016 âm lịch cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà T yêu cầu bà C và ông H trả lại tiền vay là 100.000.000 đồng. Ngược lại bà cho rằng đã trả cho bà T 90.000.000 đồng vào tháng 11-2016 âm lịch, do đó bà chỉ đồng ý trả cho bà T 10.000.000 đồng.

[3] Xét thấy: Bà T cho bà C vay tiền, có làm giấy tay, không thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất nên xem đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất thời gian vay, số tiền vay. Phía bà T đã cung cấp chứng cứ chứng minh là giấy nợ ngày 22-6-2016 âm lịch. Phía bà C đã thừa nhận giấy nợ bà T cung cấp do chính bà viết và ký tên, nhưng bà cho rằng đã trả cho bà T 90.000.000 đồng vào tháng 11-2016 âm lịch có bà Đặng Thị Khuân biết. Qua kết quả xác minh thu thập chứng cứ bà Khuân thừa nhận có nhìn thấy hai bên giao nhận tiền nhưng không biết rõ số tiền bao nhiêu, trả tiền gì và bà T không thừa nhận có nhận 90.000.000 đồng từ bà C, hơn nữa giữa bà T, bà C và bà Khuân là chị em ruột với nhau, thực tế giữa bà T và bà Khuân có mâu thuẫn với nhau nên không thể căn cứ vào lời trình bày của bà Khuân để làm chứng cứ khách quan giải quyết vụ án, ngoài ra bà C không cung cấp thêm chứng cứ nào khác. Tại biên bản hòa giải áp 5, xã Bàu Đồn ngày 17-8-2017, bà C thừa nhận còn nợ bà T số tiền 100.000.000 đồng nên lời trình bày của bà C là không có cơ sở chấp nhận. Do đó yêu cầu của bà T và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về xác định nghĩa vụ trả nợ: Tại thời điểm bà C vay tiền của bà T thì ông H và bà C chưa ly hôn, hơn nữa bà C cho rằng vay tiền là dùng vào mục đích mua bán heo nhằm tạo thu nhập để trang trải cuộc sống cho gia đình. Từ những phân tích trên xét thấy mặc dù một mình bà C trực tiếp vay nhưng nhằm để kinh doanh mua bán, tạo thu nhập đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông H phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà C trả số nợ trên cho bà T. Do đó yêu cầu của bà T và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà C và ông H có nghĩa vụ trả cho bà T 100.000.000 đồng là phù hợp Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Bà T yêu cầu tính lãi suất 0,83%/ tháng: 100.000.000 đồng tính lãi từ ngày 22-6-2016 âm lịch (25-7-2016 dương lịch) đến ngày xét xử là 18 tháng 19 ngày. Xét thấy, bà C và ông H đã vi phạm nghĩa vụ chưa trả số tiền nêu trên cho bà T nên ông bà phải có nghĩa vụ trả lãi cho bà T đối với số tiền còn nợ. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bà C và ông H trả lãi theo quy định tại **Điều 476** Bộ luật dân sự năm 2005. Cụ thể: 100.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 18 tháng 19 ngày = 15.465.700 đồng.

[6] Án phí: Bà C và ông H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu T đối với bà Đặng Kim C và ông Lê Văn H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Đặng Kim C và ông Lê Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Thu T số tiền là 115.465.700 (một trăm mười lăm triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm) đồng, trong đó tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi 15.465.700 đồng.

2. Án phí: Bà Đặng Kim C và ông Lê Văn H phải chịu 5.773.000 (năm triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị Thu T được nhận lại số tiền 2.749.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0012557 ngày 06-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà C và ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Quảng